TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 22/2021/DS-ST Ngày 21-6-2021 V/v tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mai Vinh

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 18 đến ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2020 về việc tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 180/2021/QĐST-DS ngày 20 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần A (viết tắt là Công ty A); địa chỉ trụ sở: Phòng 427-430 tầng 4 Tòa nhà B, số 3 đường C, phường D, quận E, thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Lê Tất G, sinh năm 1964; chức vụ: Giám đốc; có mặt tại phiên toà, vắng mặt khi tuyên án;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Sĩ H - Luật sư Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn I; địa chỉ: Số 109 đường K, phường L, quận M, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 01/TSC ngày 23-12-2019); có mặt;

- *Bị đơn:* Công ty Trách nhiệm hữu hạn N (viết tắt là Công ty N); địa chỉ trụ sở: Số 29/9 đường O, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn R, sinh ngày 04-11-1979; nơi ĐKHKTT: Tổ S, phường T, quận U, thành phố Đà Nẵng; nơi ở hiện tại: Số 6/55 V, Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

Thành viên góp vốn: Bà Nguyễn Thị Thùy X, sinh ngày 26-11-1983; nơi cư trú: Ấp Y, xã A', huyện B', tỉnh Đồng Nai; vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Công ty C' (viết tắt là Công ty C'); địa chỉ trụ sở: Hồng Kong, Trung Quốc;

Người được Công ty C' uỷ quyền nhận các văn bản tố tụng của Toà án và nộp cho Toà án quan điểm của Công ty C' ngày 30/4/2021: Ông Phạm Sĩ H, Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn D'; địa chỉ: Số 109 đường K, phường L, quận M, thành phố Hà Nội (theo Giấy ủy quyền số 01/TSC ngày 05-9-2016, có chứng nhận hợp pháp hoá lãnh sự của Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Hồng Kông và Ma Cao ngày 08-9-2016); có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 20/01/2020; bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Công ty A trình bày:

Công ty A là công ty có đăng ký kinh doanh và hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngày 29/01/2014, Công ty A đã ký kết Hợp đồng thuê tàu định hạn với Công ty E' (viết tắt là Công ty E'). Theo đó, Công ty E' thuê tàu G' của Công ty A trong thời gian từ ngày 05/02/2014 đến ngày 25/01/2015 để thực hiện việc vận chuyển hàng hoá theo chỉ thị của Công ty E'. Ngày 10/12/2014, Công ty C' và Công ty N ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số CH20141210A (viết tắt là hợp đồng mua bán hàng hoá). Theo đó Công ty C' bán cho Công ty N khoảng 6.600 tấn phân bón Ammonium Sulphate với giá là 128,5 đô la Mỹ/tấn, tổng giá trị 848.100 đô la Mỹ. Phương thức thanh toán được các bên lựa chọn là Thư tín dụng (viết tắt là L/C). Điều kiện giao hàng là điều kiện FOB, nghĩa là Công ty N có nghĩa vụ thu xếp việc vận chuyển hàng hoá từ cảng của Trung Quốc về Việt Nam. Công ty N đã lựa chọn Ngân hàng Thương mại Cổ phần H' (viết tắt là Ngân hàng) để mở L/C. Thông qua Ngân hàng, Công ty N sẽ nhận bộ chứng từ hàng hoá (vận đơn, hoá đơn thương mại, phiếu đóng gói hàng, chứng nhận xuất xứ, chứng nhận chất lượng....) từ Công ty C' để thanh toán tiền mua lô hàng. Để vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng mua bán thì ngày 16/12/2014, Công ty N đã ký Hợp đồng thuê tàu số 001/CP/CLVN/CAN/XII/2014 (số tham chiếu: CH20141210A) vận chuyển theo chuyến với Công ty E'. Theo thoả thuận tại hợp đồng, Tongli sẽ thu xếp tàu G' để vận chuyển lô hàng phân bón từ cảng Zhapu của Trung Quốc về cảng Quy Nhơn Việt Nam cho Công ty N.

Ngày 16/01/2015, theo chỉ thị của Công ty E', Công ty A đã điều động tàu G' đến cảng Zhapu để nhận hàng. Sau khi hoàn tất việc xếp hàng, tàu G' đã phát hành vận đơn số TSZPL01 đề ngày 16/1/2015 (viết tắt là vận đơn) để làm bằng chứng cho việc tàu đã nhận lô hàng 6.085 tấn phân bón từ Công ty C'. Theo yêu cầu của người bán hàng – Công ty C', vai trò của Công ty N được thể hiện trên vận đơn là "Người nhận thông báo" (thông báo tàu đến, thông báo sẵn sàng dỡ hàng…); Ngân hàng là "Người phát lệnh trả hàng". Điều này có nghĩa là lô hàng phân bón sẽ được giao cho Công ty N tại cảng dỡ hàng nếu Công ty N xuất trình được được vận đơn gốc do Ngân hàng ký hậu kèm theo lệnh giao hàng cho Công ty N.

Ngày 21/01/2015, với tư cách là người thuê vận chuyển – Công ty N đã ra chỉ thị yêu cầu Công ty A, Công ty E', Thuyền trưởng và Đại lý tàu G' (phía tàu G') giao hàng mà không cần xuất trình vận đơn gốc với lý do vận đơn gốc chưa kịp chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam. Công ty N cam kết sẽ giao ngay vận đơn gốc cho phía tàu G' sau khi vận đơn gốc được chuyển về Việt nam và đảm bảo cho phía tàu G' khỏi mọi thiệt hại có thể phát sinh từ việc giao hàng theo yêu cầu này.

Ngày 22/01/2015, tàu G' cập cảng Quy Nhơn, Việt Nam và sẵn sàng cho việc dỡ hàng. Dưới sức ép từ Công ty N (là người thuê vận chuyển), Công ty A đã miễn cưỡng phải giao hàng theo yêu cầu của Công ty N. Sau khi nhận được hàng, Công ty N đã bán toàn bộ lô hàng ngay tại cảng Quy Nhơn. Nhưng từ tháng 2 năm 2015 đến tháng 11 năm 2015, Công ty N đưa ra rất nhiều lý do, hứa hẹn nhằm trì hoãn, không thanh toán cho Công ty C' số tiền 781.922,5 đô la Mỹ, bất chấp việc Công ty C' phải cử đại diện đến Việt Nam để gặp gỡ và làm việc trực tiếp nhiều lần. Sau đó, Công ty C' đã khởi kiện Công ty A và Công ty E' tại Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc yêu cầu bồi thường toàn bộ giá trị lô hàng phân bón vận chuyển trên tàu G' với lý do phía tàu G' đã giao hàng mà không yêu cầu Công ty N xuất trình vận đơn gốc. Công ty N đã hoàn toàn không có bất kỳ hành động nào để bảo vệ phía tàu G' như họ đã cam kết. Từ tháng 11/2015 đến tháng 6 năm 2017, Công ty A đã phải nỗ lực trao đổi với Công ty N, Công ty C' và Công ty E' để tìm phương án giải quyết yêu cầu bồi thường của Công ty C'. Công ty C' đã chỉ định luật sư tại Việt Nam để thay mặt họ làm việc trực tiếp với các bên liên quan, và các bên đã đạt được các thoả thuận sau:

Thoả thuận giải quyết giữa Công ty C' và Công ty N ngày 30/3/2017 (Thoả thuận số 1). Theo đó, Công ty N đồng ý thanh toán cho Công ty C' số tiền: 516.068,85 đô la Mỹ tương đương với 66% giá trị lô hàng phân bón. Việc thanh toán được thực hiện nhờ Ngân hàng thu hộ. Công ty C' có nghĩa vụ chuyển toàn bộ bản gốc chứng từ hàng hoá cho Ngân hàng. Sau đó Công ty N sẽ làm việc với Ngân hàng để thanh toán tiền hàng cho Công ty C' đồng thời nhận lại toàn bộ chứng từ hàng hoá.

Thoả thuận giải quyết giữa Công ty C', Công ty E' và Công ty A ngày 20/6/2017 (Thoả thuận số 02). Theo đó, Công ty E' và Công ty A đồng ý chia sẻ cho Công ty C' số tiền lần lượt là 39.096,125 đô la Mỹ (tương ứng với 5% giá trị lô hàng) và 78.192,25 đô la Mỹ (tương ứng với 10% giá trị lô hàng). Việc thanh toán này được thực hiện sau khi Công ty N hoàn tất nghĩa vụ thanh toán 66% giá trị lô hàng.

Trong khoảng thời gian các bên đang thoả thuận giải quyết thì ngày 29/11/2016, Toà án Hàng hải Ninh Ba (Toà án cấp sơ thẩm) và Toà án nhân dân Cấp cao tỉnh Chiết Giang (Toà án cấp phúc thẩm) của Trung Quốc đã giải quyết yêu cầu khởi kiện của Công ty C'. Theo các phán quyết này thì Công ty A có trách nhiệm bồi thường cho Công ty C' trị giá lô hàng phân bón, lãi suất chậm thanh toán, phí toà án...Nhưng do các bên vẫn đang trong quá trình thoả thuận nên bản án chưa được thi hành.

Thực hiện thoả thuận số 01, ngày 24/7/2017, Công ty C' đã gửi toàn bộ chứng từ hàng hoá cho Ngân hàng. Ngày 16/8/2017, Ngân hàng đã gửi Email thông báo cho các bên liên quan về việc đã nhận được bộ chứng từ gốc từ Công ty C'. Theo thoả thuận thì thời hạn cuối cùng để Công ty N thanh toán là ngày 23/8/2017, nếu không Ngân hàng sẽ trả lại bộ chứng từ cho Công ty C'. Tuy nhiên, Công ty N đưa ra nhiều lý do trì hoãn việc thanh toán cho Công ty C' mặc dù Công ty C' và Công ty A đã phải làm việc với Ngân hàng đề nghị gia hạn nhiều lần (vào các ngày 30/8/2017, 15/9/2017,15/10/2017 và ngày 30/01/2018).

Sau nhiều lần thoả thuận mà Công ty N vẫn không thanh toán tiền hàng cho Công ty C' nên ngày 21/9/2019, Công ty C' đã yêu cầu Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc bắt giữ tàu I' (một tàu biển khác thuộc sở hữu của Công ty A để buộc Công ty A phải thi hành bản án của Toà án Trung Quốc). Sau khi bị bắt giữ tàu, Công ty A và Công ty C' đã thoả thuận để giải phóng tàu I'. Ngày 26/9/2019 hai bên đã lập văn bản Thoả thuận hoà giải. Theo đó, Trasco phải thanh toán cho Công ty C' số tiền tổng cộng là 600.000 đô la Mỹ. Đây là số tiền cuối cùng mà Công ty A phải thanh toán cho Công ty C' bao gồm tiền bồi thường đối với lô hàng phân bón mà tàu G' đã giao cho Công ty N, lãi suất, phí toà án, phí thi hành án và toàn bộ các chi phí liên quan khác. Sau khi Công ty A thanh toán cho Công ty C' số tiền này, ngày 29/9/2019, Toà án Hàng hải Ninh Ba đã ban hành lệnh giải phóng tàu I'. Nay Công ty A khởi kiện và lựa chọn Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết yêu cầu của Công ty A; đề nghị Toà án buộc Công ty N bồi thường cho Công ty A số tiền tạm tính 13.884.000.000 đồng tương đương với 600.000 đô la Mỹ (theo tỷ giá chuyển khoản USD/VND = 1/23.140 của Ngân hàng Vietcombank ngày 28/9/2019) là số tiền mà Công ty A đã phải thanh toán cho lô hàng phân bón của C', các phí, chi phí phát sinh khác mà Công ty A phải chịu trong quá trình giả quyết vụ việc, lãi suất chậm thanh toán, án phí và các chi phí tố tụng khác.

Ngày 16/6/2021, Công ty A sửa đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Toà án buộc Công ty N phải bồi thường cho Công ty A số tiền 600.000 đô la Mỹ là số tiền mà Công ty A phải thanh toán cho Công ty C' giá trị lô hàng phân bón theo phán quyết của Toà án Trung Quốc và Thoả thuận hoà giải giữa Công ty A và Công ty C' tương đương với 13.884.000.000 đồng. Chi phí tại cảng Fangcheng, Trung Quốc trong thời gian tàu I' bị bắt giữ: 21.037 đô la Mỹ tương đương với 486.796.180 đồng. Tiền lãi suất chậm thanh toán từ ngày 28/9/2019 đến ngày 18/6/2021 là 2.472.800.898 đồng (10%/năm). Tổng cộng: 16.843.597.078 đồng. Công ty A rút yêu cầu về việc đề nghị Toà án buộc Công ty N phải trả chi phí thuê luật sư, chi phí uỷ quyền.

Bị đơn – Công ty Trách nhiệm hữu hạn N:

Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Toà án đã tiến hành thủ tục uỷ thác để giao trực tiếp, niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng của Toà án cho Công ty N, các thành viên của Công ty N là ông Võ Văn R và bà Nguyễn Thị Thùy X nhưng Công ty N cũng như các thành viên của Công ty không gửi bất kỳ văn bản, tài liệu nào thể hiện quan điểm của Công ty N về yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Công ty C' Together In'l Group Limited trình bày:

Công ty C' xác nhận đã nhận đủ số tiền 600.000 đô la Mỹ từ Công ty A trên cơ sở Thoả thuận chấp hành hoà giải giữa hai bên ngày 26/9/2019 thông qua Toà án Hàng hải Ninh Ba vào ngày 29/9/2019. Đây là số tiền giải quyết cuối cùng mà Công ty A phải thanh toán cho Công ty C', bao gồm tiền đối với lô hàng phân bón mà tàu Công ty A Statr đã giao cho Công ty N, lãi suất, án phí, phí thi hành án và toàn bộ các chi phí liên quan khác. Công ty C' đồng ý để Công ty A được toàn quyền yêu cầu Công ty N hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác bồi thường tổn thất lô hàng phân bón được vận chuyển trên tàu G' cùng các chi phí liên quan. Do đã nhận được đầy đủ số tiền 600.000 đô la Mỹ từ Công ty A nên Công ty C' không còn bất kỳ quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nào trong vụ án. Vì vậy Công ty C' đồng ý và không có thêm ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của Công ty A đối với Công ty N. Đề nghị Toà án giải quyết mà không có sự tham gia của Công ty C'.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên lời trình bày về nội dung vụ án, các chứng cứ cung cấp và rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị Toà án buộc Công ty N phải trả số tiền chậm thanh toán do phải trả Công ty A số tiền nêu trên từ ngày 28/9/2019 đến ngày 18/6/2021. Nguyên đơn đề nghị không đưa Công ty E' vào tham gia tố tụng trong vụ án để cùng chia sẻ nghĩa vụ với Công ty A như thoả thuận giải quyết ngày 20/6/2017, đồng thời cam kết không khởi kiện đối với Công ty E'.

Đại diện Viện Kiểm sát thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã cơ bản thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc Công ty N phải trả cho Công ty A tổng số tiền là 14.370.796.180 đồng; đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện mà Công ty A đã rút.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng - quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 26/9/2019 và ngày 27/9/2019, Công ty A phải trả các khoản tiền lô hàng và chi phí neo đậu tàu tại cảng cho Công ty C'. Ngày 26/9/2019 Công ty C' đồng ý cho Công ty A quyền được khởi kiện các bên liên quan. Ngày 20/01/2020, Công ty A đã nộp đơn khởi kiện đúng hạn quy định nên còn thời hiệu khởi kiện – Điều 588 của Bộ luật Dân sự.

[3.1] Tại phiên tòa, Công ty N vắng mặt. Tuy nhiên, tại Hợp đồng mua bán hàng hoá số CH20141210A ngày 10/12/2014 và Hợp đồng thuê tàu số 001/CP/CLVN/CAN/XII/2014 (số tham chiếu CH20141210A) ngày 16/12/2014 thì địa chỉ trụ sở của Công ty N là số 29/9 phố O, Phường P, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam (đây cũng chính là địa chỉ của Công ty N tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp).

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án Toà án đã nhiều lần tống đạt toàn bộ văn bản tố tụng của Toà án cho Công ty N theo địa chỉ trụ sở nêu trên; tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án cho ông Võ Văn R (Giám đốc) và thành viên góp vốn là bà Nguyễn Thị Thuỳ X tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú của họ. Tuy nhiên, Công an phường T, quận U, thành phố Đà Nẵng xác nhận: Ông R đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 13 (cũ tổ 6), phường T, quận U, thành phố Đà Nẵng. Từ năm 2010 đến nay, ông R không sinh sống tại đại phương, không rõ ông R đang sinh sống, làm gì ở đâu. Công an xã A', huyện B', tỉnh Đồng Nai xác nhận

bà X đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, Ấp Y, xã A', huyện B', tỉnh Đồng Nai. Hiện bà X không có mặt tại địa phương.

[3.3] Quá trình thực hiện uỷ thác của Toà án thành phố Hải Phòng, Toà án nhân dân quận Q, thành phố Hồ Chí Minh ghi nhận lý do không thể tống đạt được các văn bản tố tụng của Toà án cho Công ty N và cho ông R vì ông R không có mặt tại nơi cư trú, không rõ thời điểm trở về, không ai đủ điều kiện và đồng ý nhận thay ông R các văn bản tố tụng của Toà án. Tại trụ sở của Công ty N không có nhân viên làm việc, không có đại diện pháp luật, không rõ thời điểm có mặt của nhân viên và người đại diện theo pháp luật của Công ty N, không ai đủ điều kiện và đồng ý nhận thay cho ông R và Công ty N.

[3.4] Theo cung cấp của ông Nguyễn Văn H' là bố đẻ của bà X thì từ ngày 27/12/2020 bà X đã vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, nhưng ông H' không biết địa chỉ cụ thể của bà X.

[3.5] Tại Công văn số 10260/CCT-KTT3 ngày 14/8/2020 của Chi cục thuế quận Q thành phố Hồ Chí Minh gửi Toà án có nội dung: Công ty N, mã số thuế: 0312102744 không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh 29/9 đường O, Phường P, quận Q; ngành nghề kinh doanh thực tế là sản xuất và mua bán phân bón. Chi cục thuế đã phối hợp với Uỷ ban nhân dân Phường P, quận Q tiến hành xác minh hoạt động của Công ty N và đã ra Thông báo bỏ địa điểm kinh doanh số 51300/TBBKD-CCT-KTT3 ngày 26/11/2018. Trước thời điểm bỏ kinh doanh Công ty N đã thực hiện việc kê khai và nộp thuế đầy đủ. Sau thời điểm bỏ địa điểm kinh doanh, Công ty N đã ngừng việc kê khai và nộp thuế. Lý do: Công ty không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh theo đăng ký tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

[3.6] Như vậy, tại Đơn khởi kiện ngày nhận ngày 20/01/2020, Công ty A đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ trụ sở của Công ty N. Trường hợp này được xác định là ông Võ Văn R (người đại diện theo pháp luật của Công ty N) và bà Nguyễn Thị Thuỳ X (thành viên góp vốn của Công ty N) đã cố tình giấu địa chỉ nhằm trốn tránh nghĩa vụ đã thỏa thuận trong các hợp đồng nêu trên nên Tòa án thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung - quy định tại đoạn 2 điểm e khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4] Ngày 29/01/2014 Công ty A và Công ty E' đã ký kết Hợp đồng thuê tàu định hạn. Theo đó, chủ tàu là Công ty A đồng ý cho Công ty E' thuê tàu G' tổng trọng tải/trọng tải tịnh 6.607/6.200 trên 7,59m nước biển mùa hè, thời hạn 06 tháng + 03 tháng theo yêu cầu của bên thuê tàu, không có bảo đảm; giá thuê ròng 9.950,00 đô la Mỹ theo tỷ lệ 01 ngày.

[5] Ngày 16/12/2014 Công ty N (người thuê tàu) và Công ty E' (chủ tàu) đã ký kết Hợp đồng thuê tàu số 001/CP/CLVN/CAN/XII/2014 số tham chiếu: CH 20141210A. Theo đó, Công ty E' có nghĩa vụ vận chuyển 6.000 tấn Ammonium Sulphate bằng tàu G' cho Công ty N từ cảng xếp hàng tại Zhapu, Trung Quốc đến cảng dỡ hàng tại Quy Nhơn Việt Nam. Ngày làm hàng: 3-8 tháng 1 năm 2015; cước vận chuyển: 26,75 đô la Mỹ/tấn. Người thuê tàu trả cước bốc dỡ hàng, bao gồm cước xếp hàng dàn đều các hầm hàng trên tàu trên cơ sở từ một cảng đến cảng khác. Chủ tàu/Thuyền trưởng có thể dỡ hàng nếu vận đơn gốc được xuất trình hoặc người thuê tàu cung cấp Thư bảo lãnh theo mẫu bảo hiểm P&I của Chủ tàu hoặc Thư bảo lãnh của ngân hàng.

[6] Ngày 10/12/2014, Công ty C' và Công ty N ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 20141210A. Theo đó, Công ty C' đồng ý bán cho Công ty N 6600 tấn, giá 128,50 đô la Mỹ/tấn tịnh; tổng giá trị: 848.100 đô la Mỹ, cảng xếp hàng là cảng Zhapu, Trung Quốc, cảng dỡ hàng: Theo lựa chọn của bên mua. Điều khoản thanh toán: bằng thư tín dụng không huỷ ngang và không chuyển nhượng, trả ngay 100% giá trị hợp đồng thông qua một ngân hàng xếp hạng thế giới trực tiếp đến ngân hàng thông báo của bên bán.

[7] Ngày 16/01/2015, tàu G' đến cảng Zhapu, Trung Quốc để nhận hàng. Sau khi hoàn tất việc xếp hàng, tàu G' đã phát hành Vận đơn số TSZPL01 đề ngày 16/01/2015 – bằng chứng cho việc tàu đã nhận lô hàng 6.085 tấn phân bón từ người bán – Công ty C'. Ngày 22/1/2015, tàu G' đã cập cảng Quy Nhơn, Việt Nam và sẵn sàng cho việc dỡ hàng. Ngày 21/1/2015, Công ty N đã đề nghị Công ty A, Công ty E', Thuyền trưởng và Đại lý tàu G' giao hàng khi chưa có vận đơn do vận đơn gốc vẫn chưa kịp chuyển từ Trung Quốc về Việt Nam (Thư bảo đảm). Đồng thời Công ty N cam kết sẽ giao ngay vận đơn gốc cho phía tàu G' sau khi vận đơn được chuyển về Việt Nam, đảm bảo cho tàu G' không bị thiệt hại có thể phát sinh từ việc giao hàng theo đề nghị của Công ty N. Do vậy, ngày 23/1/2015 tàu G' đã giao hàng cho Công ty N.

[8] Sau khi nhận được hàng, Công ty N đã không thanh toán tiền cho Công ty C'. Công ty C' đã nhiều lần trao đổi và gặp gỡ Công ty N và giữa các bên đã đạt được các thuận sau:

[8.1] Thoả thuận thương lượng giải quyết ngày 30 tháng 3 năm 2017 giữa Công ty C' và Công ty N. Theo đó, các bên thống nhất: Do thị trường Việt Nam không thuận lợi, Công ty N đồng ý trả và Công ty C' đồng ý nhận số tiền: 516.068,85 đô la Mỹ tương đương với 66% giá trị hợp đồng là khoản thanh toán đầy đủ và cuối cùng giữa các bên cho hợp đồng mua bán hàng hoá nhưng không bao gồm bất cứ chi phí ngân hàng, các khoản chi phí phát sinh hay các khoản khấu trừ khác và không làm tổn hại tới bất cứ quyền và lợi ích nào của Công ty C'. Việc

thanh toán khoản tiền giải quyết sẽ được thực hiện thông qua phương thức nhờ thu kèm chứng từ thông qua ngân hàng. Sau khi nhận được đầy đủ khoản tiền giải quyết, Công ty C' và Công ty N sẽ bãi nại cho nhau, các công ty con và các chi nhánh của họ khỏi tất cả các trách nhiệm pháp lý và các khiếu nại phát sinh liên quan đến vụ việc này. Trong thoả thuận này thì Công ty A là người làm chứng giữ một bản thoả thuận.

[8.2] Thoả thuận giải quyết ngày 20/6/2017, giữa Công ty C' (người gửi hàng), Công ty A (Chủ tàu đăng ký) và Công ty E' (Chủ tàu danh nghĩa). Theo đó, các bên thống nhất: Cho đến thời điểm thoả thuận, Công ty C' chưa nhận được bất kỳ khoản tiền thanh toán nào từ Công ty N. Để thu hồi giá trị lô hàng phân bón, Công ty C' đã khởi kiện Công ty A (Chủ tàu đăng ký của tàu G') tại Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc vì hành vi giao hàng mà không yêu cầu xuất trình vận đơn gốc. Toà án Hàng hải Ninh Ba đã xét xử vào ngày 29/11/2016, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C'. Sau khi xét xử sơ thẩm Công ty A đã kháng cáo và vụ án hiện đang được Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang giải quyết. Công ty E' (chủ tàu danh nghĩa) đồng ý chia sẻ: 39.096,125 đô la Mỹ tương đương với 5% giá trị của Hợp đồng mua bán. Công ty A đồng ý chia sẻ: 78.192,25 đô la Mỹ tương ứng với 10% giá trị của Hợp đồng mua bán. Công ty C' ngay lập tức rút mọi khiếu nại đối với Công ty A hoặc huỷ bỏ bất kỳ tiến trình tố tụng nào đối với Công ty A tại Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang thông qua việc đạt được một phán quyết hoà giải từ Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang và sẽ không thi hành bản án sơ thẩm và/hoặc bất kỳ phán quyết dân sự được ban hành bởi Toà án Hàng hải Ninh Ba và/hoặc Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang, hoặc bất kỳ Toà án có thẩm quyền nào khác tại Trung Quốc.

[9] Phán quyết của Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc ngày 29/11/2016 và Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc ngày 24/5/2017, đều quyết định: Công ty A phải bồi thường cho Công ty C' số tiền là 4.796.469 RMB (Nhân dân tệ) tương đương 781.922,5 Đô la Mỹ (tỷ giá quy đổi 1: 6,1342 RMB) và trả lãi tính từ ngày thi hành án từ ngày 27/01/2014 đến ngày thực hiện được xác định bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc và lãi suất được tính bởi Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc trong cùng thời gian cho vay. Bác bỏ yêu cầu tố tụng của Công ty C' với bị đơn là Công ty E' (Đại lý tàu biển Gia Hưng). Lý do: Hợp đồng vận tải biển của Công ty C' với Công ty vận tải là hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Công ty vận tải là người vận chuyển hàng hoá theo hợp đồng đã giao hàng mà không đề nghị cung cấp vận đơn, đã gây thiệt hại cho Công ty C' nên phải chịu trách nhiệm bồi thường dân sự. Tuy nhiên, sau khi có phán quyết của Toà án của Trung Quốc, Công ty A chưa thi hành bản án. Do vậy, ngày 21/9/2019, khi tàu I' là một tàu biển khác thuộc sở hữu của Công ty A đến Trung Quốc thì Công ty C' đã yêu cầu Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc bắt giữ tàu biển này để đảm

bảo việc thi hành các bản án mà Toà án của Trung Quốc đã tuyên. Do vậy, Công ty A và Công ty C' mới có thoả thuận chấp hành hoà giải ngày 26/9/2019.

[10] Thoả thuận chấp hành hoà giải ngày 26/9/2019 giữa Công ty A và Công ty C'. Theo đó, Công ty A đồng ý thanh toán cho Công ty C' 600.000 đô la Mỹ bao gồm tiền lãi, tiền phạt, án phí và án phí thi hành án được coi là trách nhiệm thanh toám đầy đủ và cuối cùng, giải trừ toàn bộ mọi phán quyết của Toà án. Mọi quyền lợi của Công ty C' trong hợp đồng mua bán, vận đơn, hai bản thoả thuận hoà giải sẽ được chuyển giao toàn bộ cho Công ty A không kèm điều kiện nào khác. Công ty C' cam kết không đưa ra bất kỳ khiếu nại nào khác liên quan đến vụ việc và bắt giữ tàu biển nào khác của Công ty A. Cùng ngày ký thoả thuận, Công ty C' đã nộp đơn đề nghị Toà án Hàng hải Ninh Ba dỡ bỏ lệnh bắt giữ tàu biển Công ty A Sky. Công ty A đã cung cấp cho Toà án Hàng hải Ninh Ba chứng từ thanh toán qua ngân hàng để được xem xét, gỡ bỏ lệnh bắt giữ tàu Công ty A Sky.

[11] Ngày 26/9/2019, Công ty A đã thanh toán tiền cảng phí tại cảng Fangcheng, Trung Quốc trong thời gian tàu I' bị bắt giữ là 21.037 đô la Mỹ tương đương với 486.796.180 đồng.

[12] Ngày 27/9/2019, Công ty A đã chuyển số tiền 600.000 đô la Mỹ cho Toà án Hàng hải Ninh Ba Trung Quốc.

[13] Ngày 29/9/2019 Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc đã ra Thông báo huỷ bỏ phong toả đối với tàu I' của Công ty A đang neo đậu tại Cảng Phòng Thành, Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây.

[14] Từ những nội dung trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Công ty N đã nhận được lô hàng 6.085 tấn Ammonium Sulphate đặt mua của Công ty C'. Tuy nhiên, cho đến nay Công ty N vẫn chưa thanh toán số tiền mua hàng cho Công ty C' theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số 20141210A ngày 10/12/2014 và thoả thuận thương lượng giải quyết ngày 30 tháng 3 năm 2017 ký kết giữa Công ty C' và Công ty N. Theo phán quyết của Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc ngày 29/11/2016; phán quyết của Toà án cấp cao tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc ngày 24/5/2017 và thoả thuận chấp hành hoà giải ngày 26/9/2019 giữa Công ty A và Công ty C' thì để đảm bảo cho quyền lợi của Công ty C' và vì việc giao hàng của Công ty A trong điều kiện chưa có vận đơn nên Công ty A đã phải thanh toán số tiền cho lô hàng phân bón mà Công ty N đã mua của Công ty C' 600.000 đô la Mỹ tương đương với 13.884.000.000 đồng cho Công ty C' thay cho nghĩa vụ của của Công ty N (theo tỷ giá USD/VNĐ = 1/23.140 của Ngân hàng Vietcombank tại thời điểm Công ty A phải bồi thường cho Công ty C'). Nay Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty N phải thanh toán số tiền đã trả cho Công ty C' là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Liên quan đến số tiền hàng

do Công ty N chưa thanh toán cho Công ty C' nên Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc đã bắt giữ tàu I' của Công ty A để đảm bảo nghĩa vụ thi hành phán quyết của Toà án Hàng hải Ninh Ba, Trung Quốc. Nay Công ty A yêu cầu Công ty N phải trả số tiền cảng phí tại cảng Fangcheng, Trung Quốc trong thời gian tàu I' bị bắt giữ 21.037 đô la Mỹ tương đương 486.796.180 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện này – Điều 274, khoản 5 Điều 275, Điều 280, Điều 365, Điều 534, Điều 538, Điều 539, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Công ty A đã rút một phần yêu cầu khởi kiện về chi phí thuê luật sư, chi phí uỷ quyền và tiền lãi suất chậm trả đối với số tiền mà Công ty A đã phải trả thay cho Công ty N. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty A là tự nguyện nên cần đình chỉ đối với phần yêu cầu này – điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[15] Nguyên đơn nghị Toà án không đưa Công ty E' vào tham gia tố tụng trong vụ án để cùng chia sẻ nghĩa vụ với Công ty A. Xét thấy đề nghị này của Công ty A là tự nguyện, việc đưa Công ty E' vào tham gia tố tụng cũng chỉ để chia sẻ nghĩa vụ với Công ty A không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự khác nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị này của Công ty A.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

[16] Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm - khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[17] Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật – khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14.

[18] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Công ty C' không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 274, khoản 5 Điều 275, Điều 280, Điều 365, Điều 534, Điều 538, Điều 539, Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần A:

1. Buộc Công ty TNHH N có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty Cổ phần A số tiền 13.884.000.000 đồng là giá trị lô hàng 6.085 tấn Ammonium Sulphate mà Công ty Cổ phần A đã phải thanh toán cho Công ty C' thay cho Công ty TNHH N và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền 486.796.180 đồng là chi phí trong thời gian tàu I' của Công ty Cổ phần A bị bắt giữ tại cảng Fangcheng, Trung Quốc; tổng cộng: 14.370.796.180 đồng (Mười bốn tỷ ba trăm bảy mươi triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn một trăm tám mươi đồng).

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần A về việc buộc Công ty TNHH N phải thanh toán chi phí thuê luật sư, chi phí uỷ quyền và lãi suất chậm thanh toán đối với số tiền nêu trên từ ngày 28/9/2019 đến ngày 18/6/2021.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng Công ty TNHH N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

a. Công ty Cổ phần A không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Công ty Cổ phần A số tiền tạm ứng án phí là 62.465.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0008460 ngày 06/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

b. Công ty TNHH N phải chịu 122.370.796 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

c. Công ty C' không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án, Công ty Cổ phần A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày) kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, Công ty TNHH N có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, Công ty C' có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Phương